

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2021 sang năm 2022; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022; phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2021 và nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2021 chuyển sang năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 10/2/2021 và Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 10/2/2021, Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 và Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 10/2/2021, Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07/4/2022, Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 và Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 22/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 4732/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;



Căn cứ Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của UBND tỉnh về việc cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2021 sang năm 2022; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022; phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022 từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương năm 2021 và nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2021 chuyển sang năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 2079/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 và Quyết định số 2349/QĐ-UBND ngày 24/8/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3556./SKHĐT-TH ngày 23/9/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2022 theo Phụ lục 1, 2, 3 và 4 đính kèm.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, các chủ đầu tư tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

Quyết định này thay thế Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *ca*

Nơi nhận:

- Như Điều 2, 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



caul
Nguyễn Tấn Tuấn

PHỤ LỤC 1
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công năm 2022					Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022				Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh					Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ		Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ		Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021		Vốn TW hỗ trợ	
								Vốn NS tỉnh																	Vốn NSTW, ODA
TỔNG SỐ						209.220	68.839	40.000	36.754	63.627	0	0	0	0	0	209.220	68.839	40.000	36.754	63.627					
1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp					76.169	36.169	40.000	0	0	-18.811	1.189	-20.000	0	0	57.358	37.358	20.000	0	0					
1.1	Cấp tỉnh quản lý					48.000	8.000	40.000	0	0	-17.620	2.380	-20.000	0	0	30.380	10.380	20.000	0	0					
1	CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông	BQL DAĐT XD các CT GT	NT	2006-2022	131/QĐ-UBND 16/01/2007; 2676/QĐ-UBND 8/10/2014; 96/QĐ-UBND 14/01/2020; 77/QĐ-UBND ngày 08/01/2021	562.820	562.820	48.000	8.000	40.000	0	-20.000		-20.000		28.000	8.000	20.000	0	0					
2	Sửa chữa, cải tạo khối nhà hành chính, nhà đa năng, tường rào - Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Sở GDĐT	TT Vạn Giã, Vạn Ninh	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2334/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1.151	1.151					340	340		340	340								
3	Sửa chữa, cải tạo khối thực hành - Trường THPT Trần Bình Trọng	Sở GDĐT	TT Cam Đức, Cam Lâm	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2332/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1.151	1.151					340	340		340	340								
4	Sửa chữa, cải tạo khối nhà hành chính - Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Sở GDĐT	xã Ninh Phương, Ninh Hòa	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2339/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1.143	1.143					340	340		340	340								
5	Sửa chữa, cải tạo khối nhà lớp học 10 phòng (02 tầng), khối nhà lớp học 08 phòng (02 tầng) - Trường THPT Nguyễn Thái Học	Sở GDĐT	xã Diên Phước, Diên Khánh	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2336/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1.150	1.150					340	340		340	340								
6	Sửa chữa, cải tạo khối nhà lớp học 06 phòng (02 tầng); cải tạo, nâng cấp đoạn tường rào (khu nội trú học sinh) - Trường THPT Lạc Long Quân	Sở GDĐT	TT Khánh Vĩnh	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2337/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	563	563					170	170		170	170								

Ca

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công năm 2022					Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022				Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh				Ghi chú			
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ		Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021		Vốn TW hỗ trợ	Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT		Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ	
								Vốn NS tỉnh																	Vốn NSTW, ODA
7	Cải tạo, nâng cấp công và trường rào - Trường THPT Phan Bội Châu	Sở GDĐT	Phường Cam Lộc, Cẩm Ranh	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2333/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	536	536	0					170	170				170	170					
8	Sửa chữa, cải tạo khối nhà lớp học và nhà hành chính (02 tầng) - Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh Khánh Hòa	Sở GDĐT	Nha Trang	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2335/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1.142	1.142	0					340	340				340	340					
9	Sửa chữa, cải tạo khối nhà lớp học 14 phòng (02 tầng), khối nhà lớp học 10 phòng (02 tầng), khối nhà phòng học bộ môn (02 tầng) - Trường THPT Hoàng Hoa Thám	Sở GDĐT	Diên Khánh	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2338/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1.152	1.152	0					340	340				340	340					
I.2	Hỗ trợ cấp huyện								28.169	28.169	0	0	0	-1.191	-1.191	0	0	0	26.978	26.978	0	0	0		
1	Xây dựng Trường tiểu học Ninh Phước	Phòng GD&ĐT Ninh Hòa	Ninh Phước	2021-2022	33/NQ-HĐND ngày 16/10/2020	730/QĐ-CTUBND ngày 26/02/2021	10.475	10.475	4.869	4.869	0	0	0	-100	-100				4.769	4.769	0	0	0		
2	Tiểu học Khánh Thượng, Hàng mục: Xây dựng khối phòng hành chính, nhà để xe, nhà bảo vệ, sân	Ban QLDA các CTXD huyện Khánh Vĩnh	Xã Khánh Thượng	2022-2025	09/NQ-HĐND ngày 29/4/2021	100/QĐ-UBND ngày 19/01/2022	4.700	4.700	4.400	4.400	0	0	0	-400	-400				4.000	4.000	0	0	0		
3	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2-9 phục vụ đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông của huyện Khánh Sơn (giai đoạn 1: lớp 2 và lớp 6)	Phòng GD&ĐT Khánh Sơn	Khánh Sơn	2021-2022	2325/QĐ-UBND ngày 13/9/2021	2692/QĐ-UBND ngày 03/11/2021; 3127/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	5.000	5.000	4.900	4.900					-925	-925				3.975	3.975	0	0	0	
4	Trường TH&THCS Thành Sơn	Phòng GD&ĐT Khánh Sơn	xã Thành Sơn	2021-2025	1250/QĐ-UBND ngày 01/10/2020	2935/QĐ-UBND ngày 07/12/2021	4.515	4.515	4.200	4.200					53	53				4.253	4.253	0	0	0	
5	Trường Mầm non 1/6	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	Thị trấn Tô Hạp	2021-2025	1248/QĐ-UBND ngày 01/10/2020	2921/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	4.997	4.997	4.900	4.900					92	92				4.992	4.992	0	0	0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công năm 2022					Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022					Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh					Ghi chú								
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ									
							Trong đó:																		Trong đó:				Trong đó:			
							Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA																	Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ
6	Trường THCS Sơn Bình	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Sơn Bình	2021-2025	1249/QĐ-UBND ngày 01/10/2020	2922/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	4.997	4.997		4.900	4.900				89	89				4.989	4.989	0	0	0								
II	Khoa học, công nghệ									10.000	10.000	0	0	0	-5.000	-5.000	0	0	0	5.000	5.000	0	0	0								
1	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN Khánh Hòa	Sở KH&CN	NT	2016-2024	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015; 137/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3126A/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 3217/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; 848/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	137.215	137.215		5.000	5.000	0			-1.500	-1.500				3.500	3.500	0	0	0								
2	Trạm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở KH&CN	DK	2019-2024	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015; 138/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3323/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 3257/QĐ-UBND ngày 07/12/2020; 1261/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	97.586	97.586		5.000	5.000	0			-3.500	-3.500				1.500	1.500	0	0	0								
III	Y tế									0	0	0	0	0	2.087	1.087	1.000	0	0	2.087	1.087	1.000	0	0								
1	Sửa chữa các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2022	Sở Y tế	toàn tỉnh	2.022	07/NQ-HĐND ngày 7/4/2022	2377/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	14.885	14.885		0					2.087	1.087	1.000			2.087	1.087	1.000										
IV	Phát thanh, truyền hình, thông tấn									2.000	2.000	0	0	0	-700	-700	0	0	0	1.300	1.300	0	0	0								
1	Đầu tư, mua sắm hệ thống thiết bị kỹ thuật phụ vụ sản xuất, phát sóng chương trình của Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa	Đài PTTH Khánh Hòa	NT	2021-2024	63/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	510/QĐ-UBND ngày 18/02/2022	200.000	200.000		2.000	2.000	0			-700	-700				1.300	1.300	0	0	0								
V	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản									1.870	1.870	0	0	0	-136	-136	0	0	0	1.734	1.734	0	0	0								
I.1	Cấp tỉnh quản lý									870	870	0	0	0	-110	-110	0	0	0	760	760	0	0	0								
1	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Nam Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025	Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa	KV	2021-2025	48/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4972/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 776/QĐ-UBND ngày 24/3/2022	1.837	1.837		870	870	0			-110	-110				760	760	0	0	0								
I.2	Hỗ trợ cấp huyện									1.000	1.000	0	0	0	-26	-26	0	0	0	974	974	0	0	0								

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công năm 2022					Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022				Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh					Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ		Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ		Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021		Vốn TW hỗ trợ	
								Vốn NS tỉnh																	Vốn NSTW, ODA
1	Sửa chữa, nâng cấp kênh nội đồng N4, thôn Nông Trường, xã Ninh Sim	UBND xã Ninh Sim	Ninh Sim	2022	63/NQ-HĐND ngày 22/12/2020	286/QĐ-UBND ngày 23/6/2022	1.036	1.000		1.000	1.000	0	0	-26	-26			974	974	0	0	0			
VI	Giao thông								2.500	2.500	0	0	0	-900	-900	0	0	1.600	1.600	0	0	0			
1	Các trục đường giao thông chính Khu đô thị mới Thị trấn Khánh Vĩnh (gđ1)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Khánh Vĩnh	TT Khánh Vĩnh	2018-2021	88/HĐND ngày 16/9/2016	922/QĐ-UBND ngày 26/9/2017; 935/QĐ-UBND ngày 29/12/2020; 212/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	82.014	15.966	60.000	2.500	2.500	0	0	-900	-900			1.600	1.600	0	0	0			
VII	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế								0	0	0	0	0	3.000	0	3.000	0	3.000	0	3.000	0	0			
1	Sửa chữa đường Đầm Môn ĐT.651, đoạn Km14+370 - Km17+900	BQL KKT Vân phong	xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	2022-2023	15/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	151/QĐ-KKT ngày 31/8/2022	14.853	14.853		0				3.000		3.000		3.000	0	3.000	0	0			
VIII	Công nghệ thông tin								6.300	6.300	0	0	0	-189	-189	0	0	6.111	6.111	0	0	0			
1	Nâng cấp hệ thống Hội nghị giao ban trực tuyến tỉnh Khánh Hòa	Sở TTTT	Toàn tỉnh	2021-2022	34/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	141/QĐ-UBND ngày 12/01/2022	6.329	6.329		6.300	6.300	0	0	-189	-189			6.111	6.111	0	0	0			
IX	Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội								10.000	10.000	0	0	0	-10.000	-10.000	0	0	0	0	0	0	0			
1	Trung tâm chỉ huy Cảnh sát PCCC tỉnh Khánh Hòa	CA tỉnh	Nha Trang	2017-2022	2409/QĐ-BCA-H43 21/6/2016	285/QĐ-H41-H45 ngày 14/10/2016; 119/QĐ-H41-H45 ngày 14/6/2017; 124/QĐ-H41-H45 ngày 21/6/2017	143.417	50.211	93.206	10.000	10.000	0	0	-10.000	-10.000			0	0	0	0	0			
X	Các chính đầu tư công khác theo quy định								0	0	0	0	0	105.153	4.772	0	36.754	63.627	105.153	4.772	0	36.754	63.627		
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025			2021-2025	62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022		1.093.899	335.374		0				38.090	4.772		33.318	38.090	4.772	0	33.318	0	Chi tiết theo Phụ lục 2		

102

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công năm 2022				Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022				Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh				Ghi chú				
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:							
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA	Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT		Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn XDCB tập trung		Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ		Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ
2	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa			2021-2025	61/NQ-HĐND ngày 22/8/2022	388.378	37.950	337.720	0					67.063			3.436	63.627	67.063	0	0	3.436	63.627	Chi tiết theo Phụ lục 3	
XI	Hỗ trợ các dự án phát sinh theo ngành, lĩnh vực													25.877	9.877	16.000			25.877	9.877	16.000	0	0	0	Chi tiết theo Phụ lục 4
XII	Chưa phân bổ								100.381			36.754	63.627	-100.381			-36.754	-63.627	0	0	0	0	0		

Car

PHỤ LỤC 2

KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn Ngân sách tỉnh năm 2022			Ghi chú
				Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Vốn XDCB tập trung	Nguồn tăng thu năm 2021	
	TỔNG SỐ				61.848	38.090	38.090	4.772	33.318	
I	THỊ XÃ NINH HÒA				41.315	25.521	25.521	4.772	20.749	
1	Xã Ninh Đông (Xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao)				3.797	2.538	2.538	2.538		
<i>a</i>	<i>Giao thông</i>				3.497	2.448	2.448	2.448		
	Đường thôn Phước Thuận: Ngã 3 đi Chùa Thiên Ân - ngã 3 ông Thế. Hạng mục: Nâng cấp sửa chữa đường BTXM đoạn từ nhà ông Thững đến nhà ông Hùng Tuất	UBND xã Ninh Đông	2022	252/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.150	805	805	805		
	Đường nội đồng thôn Phước Thuận từ kênh N47 đến gò Phận	UBND xã Ninh Đông	2022	253/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.147	803	803	803		
	Đường nội đồng thôn Nội Mỹ từ kênh N4 đến nhà ông Ngự	UBND xã Ninh Đông	2022	254/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.200	840	840	840		
<i>b</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>				300	90	90	90		
	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	UBND xã Ninh Đông	2022	255/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	300	90	90	90		
2	Xã Ninh Phú (Xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao)				10.550	6.185	6.185		6.185	
<i>a</i>	<i>Giao thông</i>				7.000	4.900	4.900		4.900	
	Xây dựng hệ thống thoát nước đường liên xã: Đoạn từ Cầu Hội Phú đến Cầu Biện Dẹp	UBND xã Ninh Phú	2022	197/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	2.000	1.400	1.400		1.400	
	Đường giao thông nông thôn thôn Văn Định Bằng Phước: Đoạn từ giáp đường BTXM liên thôn đến nhà ông Hiệp	UBND xã Ninh Phú	2022	198/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.000	700	700		700	
	Đường BTXM thôn Hội Phú Bắc 2: Đoạn nhà ông Thước; Đoạn nhà ông Thống; Đoạn nhà bà Kim Anh	UBND xã Ninh Phú	2022	199/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.000	700	700		700	
	Đường BTXM nội đồng thôn Hội Điền: Đoạn từ nhà ông Lật đến nhà ông Lựt	UBND xã Ninh Phú	2022	200/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.000	700	700		700	
	Đường BTXM nội đồng thôn Hội Phú Bắc 1: Đoạn từ nhà bà Xệ đến ruộng ông Thanh	UBND xã Ninh Phú	2022	201/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.000	700	700		700	
	Đường BTXM nội đồng thôn Hội Phú Bắc 1: Đoạn từ nhà ông Mỹ đến nhà ông phương, đoạn giáp Ninh Đa	UBND xã Ninh Phú	2022	202/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.000	700	700		700	
<i>b</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>				3.000	900	900		900	
	Trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Ninh Phú	2022	203/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	3.000	900	900		900	
<i>c</i>	<i>Hạ tầng thông tin và truyền thông</i>				550	385	385		385	
	Đầu tư thiết lập mới hệ thống đài truyền thanh xã	UBND xã Ninh Phú	2022	204/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	550	385	385		385	
3	Xã Ninh Thượng (đăng ký đạt chuẩn NTM)				26.968	16.798	16.798	2.234	14.564	
<i>a</i>	<i>Giao thông</i>				21.765	15.237	15.237	2.234	13.003	
	Đường trục thôn Tân Tứ gđ 2, tuyến nhánh ông Độ	UBND xã Ninh Thượng	2022	667/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.102	771	771		771	
	Đường trục thôn từ giáp đường liên thôn đến ông Phương thôn (đường 30-4)	UBND xã Ninh Thượng	2022	656/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.158	811	811		811	
	Đường trục thôn từ giáp HL 6- Ninh Tây thôn 1 (tuyến 5 Đồi Đò)	UBND xã Ninh Thượng	2022	664/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	931	651	651		651	

ca

S T T	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn Ngân sách tỉnh năm 2022			Ghi chú
				Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Vốn XDCB tập trung	Nguồn tăng thu năm 2021	
	Đường trục thôn từ giáp HL 6- Ninh Tây thôn 1 (tuyến 4 Đồi Đò)	UBND xã Ninh Thượng	2022	663/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.177	824	824		824	
	Đường trục thôn từ giáp HL 6- Ninh Sim thôn 1 (tuyến 6 Hòn Tre)	UBND xã Ninh Thượng	2022	668/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.198	839	839		839	
	Đường trục thôn từ giáp nhà ông Nghĩa ông Vinh và từ nhà bà tía- ông Răng	UBND xã Ninh Thượng	2022	665/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.014	710	710		710	
	Đường trục thôn từ giáp đường liên xã- ông Nam và các tuyến nhánh thôn Đồng Xuân	UBND xã Ninh Thượng	2022	666/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	534	374	374		374	
	Đường trục thôn từ giáp nhà ông Minh- Nghĩa trang thôn Tân Tứ	UBND xã Ninh Thượng	2022	657/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.124	787	787		787	
	Đường Tuyến Suối Mơ GD1	UBND xã Ninh Thượng	2022	659/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	2.744	1.921	1.921		1.921	
	Tuyến 12 Đồng Chùa Tân Hiệp	UBND xã Ninh Thượng	2022	661/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.050	735	735		735	
	Đường từ giáp HL 6- Tân Hiệp (Hòn Tre)	UBND xã Ninh Thượng	2022	658/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	2.538	1.777	1.777		1.777	
	Tuyến đường nội đồng từ đường ông Phan Thông đến Farm	UBND xã Ninh Thượng	2022	662/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	2.195	1.537	1.537		1.537	
	Tuyến Tân Phong - Ninh Trang (HL6)	UBND xã Ninh Thượng	2022	669/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	5.000	3.500	3.500	2.234	1.266	
<i>b</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>				3.247	974	974		974	
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã	UBND xã Ninh Thượng	2022	660/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	3.247	974	974		974	
<i>c</i>	<i>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>				1.956	587	587		587	
	Chợ xã Ninh Thượng	UBND xã Ninh Thượng	2022	655/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.956	587	587		587	
II	HUYỆN DIÊN KHÁNH				20.533	12.569	12.569		12.569	
1	Xã Diên Đồng (Xã đăng ký đạt chuẩn NTM)				3.385	1.016	1.016		1.016	
	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>				3.385	1.016	1.016		1.016	
	Trung tâm văn hóa khu thể thao xã	UBND xã Diên Đồng	2022	115/QĐ-UBND/XD ngày 26/8/2022	3.385	1.016	1.016		1.016	
2	Xã Diên Phước (Xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao)				9.429	6.604	6.604		6.604	
<i>a</i>	<i>Giao thông</i>				5.197	3.641	3.641		3.641	
	Đường trục thôn Phước Tuy 1	UBND xã Diên Phước	2022	72/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.199	840	840		840	
	Đường Thành Hồ 8	UBND xã Diên Phước	2022	70/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	550	386	386		386	
	Đường trục thôn An Định (Tỉnh lộ 2 - ĐH18)	UBND xã Diên Phước	2022	71/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.199	840	840		840	
	Đường trục thôn Phước Tuy 2	UBND xã Diên Phước	2022	74/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.050	735	735		735	
	Đường Tỉnh lộ 2 - Cống Cây Da (Diên Hòa)	UBND xã Diên Phước	2022	73/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.199	840	840		840	
<i>b</i>	<i>Thủy lợi</i>				4.232	2.963	2.963		2.963	
	KCH kênh ruộng Địa - Suối Sâu	UBND xã Diên Phước	2022	76/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.229	860	860		860	
	KCH kênh Ba Sào mẫu sáu	UBND xã Diên Phước	2022	77/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.123	786	786		786	
	KCH kênh mương vùng ruộng 1 vụ Đồng Xe	UBND xã Diên Phước	2022	75/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.231	862	862		862	
	KCH kênh Bao Sào - Mương Cơi - Lỗ Găng - Đất Sét	UBND xã Diên Phước	2022	78/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	649	455	455		455	
3	Xã Diên Lạc (Xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao)				5.453	3.679	3.679		3.679	
<i>a</i>	<i>Giao thông</i>				4.454	3.119	3.119		3.119	

S T T	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn Ngân sách tỉnh năm 2022			Ghi chú
				Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Vốn XDCB tập trung	Nguồn tăng thu năm 2021	
	Đường trục thôn Thanh Minh 1	UBND xã Diên Lạc	2022	117/QĐ-UBND- XD ngày 29/8/2022	648	454	454		454	
	Đường kết hợp thoát nước trục thôn Thanh Minh 2 (tổ 7, 8, 9)	UBND xã Diên Lạc	2022	118/QĐ-UBND- XD ngày 29/8/2022	1.204	843	843		843	
	Đường kết hợp thoát nước trục thôn Thanh Minh 3 (tổ 19, 20)	UBND xã Diên Lạc	2022	119/QĐ-UBND- XD ngày 29/8/2022	928	650	650		650	
	Đường kết hợp thoát nước trục thôn Thanh Minh 3 (tổ 22)	UBND xã Diên Lạc	2022	115/QĐ-UBND- XD ngày 29/8/2022	1.186	830	830		830	
	Đường Bến Đò trục thôn Trường Lạc	UBND xã Diên Lạc	2022	116/QĐ-UBND- XD ngày 29/8/2022	488	342	342		342	
<i>b</i>	<i>Hạ tầng hợp tác xã</i>				<i>999</i>	<i>560</i>	<i>560</i>		<i>560</i>	
	Xây dựng kho, xưởng chế biến HTXNN Diên Lạc	UBND xã Diên Lạc	2022	120/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	999	560	560		560	
4	Đầu tư hạ tầng HTX trên các địa bàn các xã				2.266	1.270	1.270		1.270	
	Xây dựng nhà kho HTX NN Diên Điền 1	UBND xã Diên Điền	2022	50/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	729	409	409		409	
	Xây dựng nhà kho HTX NN Diên Điền 2	UBND xã Diên Điền	2022	51/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	539	302	302		302	
	Xây dựng nhà kho HTX NN Suối Hiệp 2	UBND xã Suối Hiệp	2022	72/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	998	559	559		559	

ca

MMV: 1
D

PHỤ LỤC 3

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022**

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 23 / 9 /2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

DVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	Tổng số		NSTW
	TỔNG SỐ					77.313	71.700	3.552	67.063	63.627	3.436	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					6.190	5.384	565	4.304	3.739	565	
	<i>Hỗ trợ nước sinh hoạt</i>					<i>6.190</i>	<i>5.384</i>	<i>565</i>	<i>4.304</i>	<i>3.739</i>	<i>565</i>	
<i>1</i>	<i>Huyện Khánh Vĩnh</i>											
-	Mở rộng Hệ thống cấp nước thôn Bắc Sông Giang	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Trung	2022-2023	743/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	3.869	3.365	353	2.073	1.720	353	
<i>2</i>	<i>Huyện Khánh Sơn</i>											
-	Đầu tư nối mạng nước sinh hoạt khép kín các khu dân cư	UBND xã Sơn Bình	Xã Sơn Bình	2022	1697/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	2.321	2.019	212	2.231	2.019	212	
II	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS					56.383	52.691	2.205	46.261	44.056	2.205	
<i>1</i>	<i>Huyện Khánh Vĩnh</i>					<i>24.369</i>	<i>20.930</i>	<i>2.205</i>	<i>23.135</i>	<i>20.930</i>	<i>2.205</i>	
-	Đường rẽ nhánh Khánh Lê - Lâm Đồng, đi từ tràn đến rẫy ông Hà Choang	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Giang Ly	2022	727/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.999	1.999		1.999	1.999		
-	Đường vào khu sản xuất từ đầu cầu Gia Lố đến rẫy ông Hà Vương, xã Sơn Thái	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Sơn Thái	2022	729/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	998	998		998	998		
-	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Van đến rẫy ông Đình Xuân Hương	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Thôn Bồ Lang, xã Sơn Thái	2022	738/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	998	998		998	998		
-	Đường sản xuất thôn Tà Mơ 1 (Đoạn Tà Mơ 2 giáp đường Khánh Thành đi thị trấn)	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Thành	2022	721/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	971	971		971	971		

Ca

S T T	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW		NS tỉnh
-	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Văn Núi đến đất ông Cao Văn Hường	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Trung	2022	725/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.049	1.049		1.049	1.049		
-	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất Suối A Pan	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Cầu Bà	2022	735/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	993	993		993	993		
-	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất Suối Asay	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Cầu Bà	2022	726/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	991	991		991	991		
-	Đường vào khu sản xuất Suối Cọp, xã Liên Sang	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Liên Sang	2022	730/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.999	1.999		1.999	1.999		
-	Tiếp tuyến đường từ bãi rác vào khu sản xuất Kho Cối	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Thượng	2022	723/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.099	1.099		1.099	1.099		
-	Tuyến đường từ nhà ông Hà Bón đến nhà ông Cao Nghem, xã Khánh Thượng	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Thượng	2022	742/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	997	997		997	997		
-	Tuyến đường từ ngã 3 đất ông Vũ Quang Minh vào khu sản xuất (đốc Gù) đến đất bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết, xã Khánh Nam	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Nam	2022	722/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.998	1.998		1.998	1.998		
-	Tuyến B2 tuyến đường từ nhà ông Trần Trọng Tài đến đất ông Cao Văn Huy thôn Ba Căng (B2), xã Khánh Hiệp	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Hiệp	2022	741/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	999	999		999	999		
-	Đường từ ông Xi Ngân đi Xi Gia thôn Nước Nhĩ, xã Khánh Phú	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Phú	2022	733/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	995	995		995	995		
-	Bê tông hóa đường Cao Chua đi ông Chính	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Phú	2022	724/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	999	999		999	999		
-	Đường vào khu sản xuất Bến Khế từ nhà ông Mang Mán đến rẫy ông Nguyễn Ngọc Phan, xã Khánh Bình	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Bình	2022	726/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.197	1.197		1.197	1.197		
-	Đường vào khu sản xuất Bến Lễ từ rẫy ông Nguyễn Đình Hiếu đến rẫy ông Cao Văn Luyện, xã Khánh Bình	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Bình	2022	720/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.199	1.199		1.199	1.199		
-	Sửa chữa, nâng cấp đường bê tông từ nhà ông Việt đến nhà ông Tiến, tổ 3, Thị trấn Khánh Vĩnh	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Tổ 3, TT Khánh Vĩnh	2022	732/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	819	819		819	819		

S T T	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:			NSTW	NS tỉnh	
							NSTW	NS tỉnh				
-	Sửa chữa, nâng cấp đường từ rẫy ông Huỳnh đi khu sản xuất, tổ 5, Thị trấn Khánh Vĩnh	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Tổ 5, TT Khánh Vĩnh	2022	734/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.119	630	343	973	630	343	
-	Đường vào khu sản xuất Suối Gia Lố từ hộ ông Mười đến hộ ông Duy	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Sơn Thái	2022	737/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	970		700	700		700	
-	Đường khu dân cư Giòng Cạo thôn Tà Mơ, xã Khánh Thành	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Thành	2022	728/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	982		700	700		700	
-	Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Hà Thương đến hộ ông Cao Ri Sơn	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Sơn Thái	2022-2023	731/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	998		462	462		462	
2	Huyện Khánh Sơn					16.967	16.967		16.967	16.967		
-	Đường BTXM thôn Apa 1 đi khu sản xuất	UBND xã Thành Sơn	Xã Thành Sơn	2022	1682/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	996	996		996	996		
-	Nối tiếp Đường BTXM từ nhà cộng đồng Apa 1 đi khu sản xuất	UBND xã Thành Sơn	Xã Thành Sơn	2022	1683/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	998	998		998	998		
-	Nâng cấp đường BTXM thôn Ha Hít, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Võ Tiên Hoàng đến nhà ông Tài)	UBND xã Sơn Lâm	Xã Sơn Lâm	2022	1684/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	999	999		999	999		
-	Nâng cấp, mở rộng trục đường chính thôn Du Oai, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Tú đến nhà ông Cao Đỉnh)	UBND xã Sơn Lâm	Xã Sơn Lâm	2022	1685/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	999	999		999	999		
-	Sửa chữa phòng học trường mầm non Vành Khuê	UBND xã Sơn Bình	Xã Sơn Bình	2022	1686/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	994	994		994	994		
-	Đường vào khu sản xuất từ rẫy Bà Tro Thị Hiền đến rẫy bà Cao Thị Danh	UBND xã Sơn Bình	Xã Sơn Bình	2022	1687/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	999	999		999	999		
-	Nối tiếp đường BTXM đoạn từ rẫy ông Bình đến đất ông Nghịch	UBND xã Sơn Hiệp	Xã Sơn Hiệp	2022	1689/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	1.991	1.991		1.991	1.991		
-	Làm đường BTXM vào khu sản xuất nghĩa địa thôn Chi Chay	UBND xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2022	1690/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	999	999		999	999		
-	Làm đường BTXM từ bãi rác đến rẫy ông Tùng thôn Ma O xã Sơn Trung	UBND xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2022	1691/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	999	999		999	999		
-	Nối tiếp đường BTXM khu 21 hộ đến trần Ông Lũng	UBND TT Tô Hạp	Thị trấn Tô Hạp	2022	1695/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	799	799		799	799		

S T T	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW		NS tỉnh
-	Đường BTXM từ Bia khảo cổ Dốc Gạo vào khu sản xuất, dân sinh	UBND TT Tô Hạp	Thị trấn Tô Hạp	2022	1696/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	1.198	1.198		1.198	1.198		
-	Nối tiếp từ suối Lò Ô đi khu sản xuất xóm 4 thôn Dốc Trầu	UBND xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2022	1692/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	999	999		999	999		
-	Nối tiếp tuyến đường từ xóm 14 đi khu sản xuất thôn A Thi. xã Ba Cùm Bắc	UBND xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2022	1693/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	999	999		999	999		
-	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy ông Dũng Bút đến ngã ba thôn Hòn Gầm	UBND xã Ba Cùm Nam	Xã Ba Cùm Nam	2022	1694/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	999	999		999	999		
-	Kè chống sạt lở thôn Tà Giang 1	UBND xã Ba Thành Sơn	Xã Thành Sơn	2022-2023	1710/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	1.999	1.999		1.999	1.999		
3	Huyện Cam Lâm					11.806	11.806		3.770	3.770		
2.3.1	Đường đến trung tâm xã											
	Đường giao thông từ huyện đến trung tâm xã Sơn Tân (đoạn từ xã Cam Tân - Sơn Tân)	Ban QLDA Cam Lâm	Xã Sơn Tân	2022-2023	1398/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	9.212	9.212		1.176	1.176		
2.3.2	Đầu tư cơ sở hạ tầng các xã ĐBK, thôn ĐBK											
-	Nâng cấp đường từ rẫy ông Xê vào khu sản xuất thôn Suối Cốc	Phòng Dân tộc Cam Lâm	Xã Sơn Tân	2022	1407/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	1.000	1.000		1.000	1.000		
-	Sửa chữa đường từ nhà bà Năm ngã ba thôn Va Ly đến nhà máy nước	Phòng Dân tộc Cam Lâm	Xã Sơn Tân	2022	1408/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	1.000	1.000		1.000	1.000		
-	Cổng tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Suối Lau 3	Phòng Dân tộc Cam Lâm	Thôn Suối Lau 3, xã Suối Cát	2022	1406/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	297	297		297	297		
-	Cổng tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Văn Sơn	Phòng Dân tộc Cam Lâm	Thôn Văn Sơn, xã Cam Phước Tây	2022	1405/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	297	297		297	297		
4	Huyện Diên Khánh					1.199	1.199		600	600		
	Đường vào khu sản xuất xã Diên Tân (đoạn tiếp giáp với khu san ủi đồng ruộng đến hạ lưu hồ Láng Nhớt.)	Phòng Kinh tế Diên Khánh	Thôn Đá Mài, xã Diên Tân	2022- 2023	212/QĐ-UBND/XD ngày 29/8/2022	1.199	1.199		600	600		

S T T	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW	
5	Thị xã Ninh Hòa					2.042	1.789		1.789	1.789	
-	Đường BTXM đi từ nhà ông Hải đi Suối Tre thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	Phòng Dân tộc Ninh Hoà	Thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	2022	3391/QĐ-CTUBND ngày 30/8/2022	1.142	900		900	900	
-	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Cao Ta Gân đến cuối đường nhà ông Bàn Đức Thắng thôn Sông Bung, xã Ninh Tây	Phòng Dân tộc Ninh Hoà	Thôn Sông Bung Xã Ninh Tây	2022	3392/QĐ-CTUBND ngày 30/8/2022	461	450		450	450	
-	Xây dựng cổng tường rào, sân, nhà vệ sinh, hệ thống nước nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn Buôn Sim, xã Ninh Tây	Phòng Dân tộc Ninh Hoà	Thôn Buôn Sim Xã Ninh Tây	2022-2023	3390/QĐ-CTUBND ngày 30/8/2022	439	439		439	439	
III	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 5: Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông DTNT trên địa bàn tỉnh					6.186	6.186		789	789	
	Trường Phổ thông DTNT Khánh Vĩnh (Hạng mục Nâng cấp, sửa chữa phòng học và phòng bộ môn; Nâng cấp, sửa chữa nhà công vụ giáo viên; Nâng cấp, sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch)	Phòng Giáo dục và Đào tạo Khánh Vĩnh	Trường PTDNT Khánh Vĩnh	2022-2024	739/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	6.186	6.186		789	789	
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch					8.554	7.439	782	5.212	4.546	666
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao huyện Khánh Vĩnh	Phòng Văn hóa và Thông tin Khánh Vĩnh	24 thôn	2022-2024	740/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	4.617	4.015	422	3.220	2.914	306
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao huyện Khánh Sơn	Phòng Dân tộc Khánh Sơn	14 thôn	2022-2024	1842/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	3.937	3.424	360	1.992	1.632	360
V	Chưa phân bổ								10.497	10.497	

PHỤ LỤC 4

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 TỪ NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 23 / 9 /2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách TW hỗ trợ		Vốn XDCB tập trung		Vốn XSKT	
TỔNG CỘNG									25.877	9.877	16.000			
I	Phát triển đô thị								14.994	3.994	11.000			
(1)	Thị xã Ninh Hòa								7.000	0	7.000			
1	Đường BTXM khu dân cư Núi Một TDP Hậu Phước, phường Ninh Hà, đoạn 1 từ nhà ông Trần Sang đến nhà ông Dương Văn Xuân, đoạn 2 từ nhà ông Trần Ngọc Hòa đến giáp đường ra nghĩa địa	UBND phường Ninh Hà	Ninh Hà	2022	18/NQ-HĐND ngày 05/9/2022	555/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.049	1.000		1.000		1.000		
2	Đường BTXM TDP Mỹ Trạch, phường Ninh Hà, đoạn từ nhà ông Huỳnh Ân (giáp đường Lý Tự Trọng) đến nhà ông Lê Cận	UBND phường Ninh Hà	Ninh Hà	2022	19/NQ-HĐND ngày 05/9/2022	557/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.050	1.000		1.000			1.000	
3	Mương cống ông Sanh nối dài	UBND xã Ninh An	Ninh An	2022	18/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	647/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.053	1.000		1.000			1.000	
4	Đường Bình Sơn 6 (Mai-Si), đoạn từ TL1A đến mương thủy lợi	UBND xã Ninh Thọ	Ninh Thọ	2022	09/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	441/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.039	1.000		1.000			1.000	
5	Đường Bình Sơn 3 (Đình) đoạn từ Bình Sơn 2 đến đình Bình Sơn	UBND xã Ninh Thọ	Ninh Thọ	2022	10/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	440/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.026	1.000		1.000			1.000	
6	Đường BTXM từ nhà ông Bờ đi đường sắt	UBND xã Ninh An	Ninh An	2022	17/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	646/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.058	1.000		1.000			1.000	
7	Nâng cấp mở rộng đường từ Quốc lộ 26 đến Đình Dục Mỹ giai đoạn 1	UBND xã Ninh Xuân	Ninh Xuân	2022	11/NQ-HĐND ngày 08/7/2022	215/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.026	1.000		1.000			1.000	
(2)	Thành phố Cam Ranh								5.994	3.994	2.000			
1	Tuyến số 1 TDP Hòa Tiên (Điểm đầu ĐL Hùng Vương; Điểm cuối tịnh xá Ngọc Mỹ), phường Cam Nghĩa	UBND phường Cam Nghĩa	phường Cam Nghĩa	2022	22/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	719/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	999	999		999		999		
2	Nâng cấp theo hiện trạng và hệ thống thu nước mưa đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Nguyễn Thị Minh Khai), TDP Lợi Phúc, phường Cam Lợi	UBND phường Cam Lợi	phường Cam Lợi	2022	122/NQ-HĐND ngày 08/9/2022	202/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.000	1.000		1.000			1.000	
3	Nâng cấp theo hiện trạng đường vào chợ Cam Lợi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Tiên Giang), TDP Lợi Phú, phường Cam Lợi	UBND phường Cam Lợi	phường Cam Lợi	2022	121/NQ-HĐND ngày 08/9/2022	201/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.000	1.000		1.000			1.000	

Cam

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách TW hỗ trợ		Vốn XDCB tập trung		Vốn XSKT
4	Đường tổ dân phố Hòa Bình (điểm đầu: Đường Lê Thánh Tông; điểm cuối: nhà bà Đặng Thị Phận), phường Cam Nghĩa	UBND phường Cam Nghĩa	phường Cam Nghĩa	2022	20/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	720/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	998	998		998	998		
5	Đường tổ dân phố Hòa Phước (Tuyến số 2) (điểm đầu: đường Hà Huy Tập; điểm cuối: nhà bà Huỳnh Thị Nga), phường Cam Nghĩa	UBND phường Cam Nghĩa	phường Cam Nghĩa	2022	21/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	718/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	998	998		998	998		
6	Đường khu dân cư Hòa Do 2 (Tổ An ninh nhân dân số 3-4), phường Cam Phúc Bắc	UBND phường Cam Phúc Bắc	phường Cam Phúc Bắc	2022	69/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	286/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	999	999		999	999		
(3) Huyện Diên Khánh										2.000	0	2.000	
1	Đường kết hợp thoát nước đường Tổ 27, thôn Trường Lạc	UBND xã Diên Lạc	Diên Lạc	2022	16/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	125/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	1.070	1.000		1.000		1.000	
2	Đường kết hợp thoát nước đường Tổ 19, thôn Thanh Minh 3	UBND xã Diên Lạc	Diên Lạc	2022	15/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	128/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	1.013	1.000		1.000		1.000	
II Công nghiệp (mạng lưới điện đô thị, nông thôn)										6.998	1.998	5.000	
(1) Huyện Diên Khánh										3.000	0	3.000	
1	Điện chiếu sáng đường Tổ 10, thôn Thanh Minh 2	UBND xã Diên Lạc	Diên Lạc	2022	12/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	127/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	1.061	1.000		1.000		1.000	
2	Điện chiếu sáng đường Tổ 19, thôn Thanh Minh 3	UBND xã Diên Lạc	Diên Lạc	2022	13/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	129/NQ-HĐND ngày 14/9/2022	1.061	1.000		1.000		1.000	
3	Điện chiếu sáng đường Tổ 33, thôn Trường Lạc	UBND xã Diên Lạc	Diên Lạc	2022	14/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	126/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	1.063	1.000		1.000		1.000	
(2) Thị xã Ninh Hòa										2.000	0	2.000	
1	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng tuyến đường từ ngã tư Mỹ Trạch - Mỹ Thuận đến công trạm máy kéo cũ, từ nhà ông Nguyễn Mạo đến nhà ông Nguyễn Xèo	UBND phường Ninh Hà	Ninh Hà	2022	20/NQ-HĐND ngày 05/9/2022	556/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.050	1.000		1.000		1.000	
2	Điện chiếu sáng từ công làng văn hóa (QL26) đến đình Văn Thạch	UBND xã Ninh Xuân	Ninh Xuân	2022	24/NQ-HĐND ngày 08/7/2022	214/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.009	1.000		1.000		1.000	
(3) Huyện Vạn Ninh										1.998	1.998	0	
1	Hệ thống điện chiếu sáng đường thôn Trung Đông 2 (đoạn từ ngã 3 đường Bình Trung 2 đến công thôn Trung Đông 2)	UBND xã Vạn Bình	xã Vạn Bình	2022	39/NQ-HĐND ngày 12/9/2022	42/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	999	999		999	999		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách TW hỗ trợ		Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	
2	Hệ thống điện chiếu sáng Đường thôn Vinh Huệ từ nhà ông Võ Hoàng Thành đến nhà ông Lê Văn Thóa	UBND xã Vạn Phú	xã Vạn Phú	2022	09/NQ-HBND ngày 12/9/2022	199/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	999	999		999	999		
III	Giáo dục và đào tạo									3.885	3.885	0	
1	Trường Tiểu học - THCS Bình Ba; Hạng mục: Cải tạo nhà công vụ (điểm Tiểu học)	Phòng GD&ĐT Cam Ranh	xã Cam Bình	2022	41/NQ-HBND ngày 07/9/2022	833/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	1.094	1.094		1.094	1.094		
2	Trường mầm non Cam Lập; Hạng mục: Cải tạo 02 phòng học và mái che.	Phòng GD&ĐT Cam Ranh	xã Cam Lập	2022	40/NQ-HBND ngày 07/9/2022	849/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	798	798		798	798		
3	Trường mầm non 2/4; Hạng mục: Nâng cấp công, sân trường và mái che.	Phòng GD&ĐT Cam Ranh	Phường Cam Lộ	2022	39/NQ-HBND ngày 07/9/2022	847/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	997	997		997	997		
4	Trường Mầm non Cam Phúc Nam; Hạng mục: Nâng cấp công tường rào	Phòng GD&ĐT Cam Ranh	Phường Cam Phúc Nam	2022	38/NQ-HBND ngày 07/9/2022	853/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	996	996		996	996		




**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 69 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 23 tháng 9 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021, Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022, Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 8434/TTr-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 122/BC-BKTNS ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 9032/UBND-XDND ngày 22 tháng 9 năm 2022 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021, Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022, Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2022 như sau:

1. Điều chỉnh và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 (theo Phụ lục 1, 2, 3 và 4 đính kèm).

2. Giữ nguyên các nội dung khác của Nghị quyết số 128/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021, Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022, Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VII, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, ĐN.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Toàn



PHỤ LỤC 1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

(Phụ lục kế hoạch) Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	TMDT		Kế hoạch đầu tư công năm 2022					Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022					Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh					Ghi chú					
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XD/CB (tập trung)	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn XD/CB (tập trung)	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021		Vốn TW hỗ trợ				
								Vốn NS tỉnh	Vốn NSTW, ODA						Vốn XD/CB (tập trung)	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ							Vốn XD/CB (tập trung)	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ
TỔNG SỐ								209.220	68.839	40.000	36.754	63.627	0	0	0	0	0	209.220	68.839	40.000	36.754	63.627						
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						76.169	36.169	40.000	0	0	-18.811	1.189	-20.000	0	0	57.358	37.358	20.000	0	0							
I.1	Cấp tỉnh quản lý						48.000	8.000	40.000	0	0	-17.620	2.380	-20.000	0	0	30.380	10.380	20.000	0	0							
1	CSHT khu trường học, đào tạo và dạy nghề Bắc Hòn Ông	BQL DADT XD các CT GT	NT	2006-2022	131/QĐ-UBND 16/01/2007; 2676/QĐ-UBND 8/10/2014; 96/QĐ-UBND 14/01/2020; 77/QĐ-UBND ngày 08/01/2021	562.820	562.820	48.000	8.000	40.000	0	-20.000		-20.000			28.000	8.000	20.000	0	0							
2	Sửa chữa, cải tạo khối nhà hành chính, nhà đa năng, tường rào - Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	Số GDĐT	TT Vạn Giã, Vạn Ninh	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2334/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1.151	1.151				0		340	340			340	340									
3	Sửa chữa, cải tạo khối thực hành - Trường THPT Trần Bình Trọng	Số GDĐT	TT Cam Đức, Cam Lâm	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2332/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1.151	1.151				0		340	340			340	340									
4	Sửa chữa, cải tạo khối nhà hành chính - Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Số GDĐT	xã Ninh Phước, Ninh Hòa	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2339/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1.143	1.143				0		340	340			340	340									
5	Sửa chữa, cải tạo khối nhà lớp học 10 phòng (02 tầng), khối nhà lớp học 08 phòng (02 tầng) - Trường THPT Nguyễn Thái Học	Số GDĐT	xã Diên Phước, Diên Khánh	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2336/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	1.150	1.150				0		340	340			340	340									
6	Sửa chữa, cải tạo khối nhà lớp học 06 phòng (02 tầng); cải tạo, nâng cấp đoạn tường rào (khu nội trú học sinh) - Trường THPT Lạc Long Quân	Số GDĐT	TT Khánh Vĩnh	2022	02/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	2337/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	563	563				0		170	170			170	170									

ca

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công năm 2022					Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022					Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh					Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ		Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ		Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ		
								Vốn NS (tính)																	Vốn NSTW, ODA
6	Trường THCS Sơn Bình	Ban QLDA các CTXD Khánh Sơn	xã Sơn Bình	2021-2025	1249/QĐ-UBND ngày 01/10/2020	2922/QĐ-UBND ngày 01/12/2021	4.997	4.997		4.900	4.900				89	89				4.989	4.989	0	0	0	
II	Khoa học, công nghệ								10.000	10.000	0	0	0	0	-5.000	-5.000	0	0	0	5.000	5.000	0	0	0	
1	Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN Khánh Hòa	Sở KH&CN	NT	2016-2024	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015; 137/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3126A/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 3217/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; 348/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	137.215	137.215		5.000	5.000	0	0	0	-1.500	-1.500				3.500	3.500	0	0	0	
2	Trạm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Sở KH&CN	DK	2019-2024	21/NQ-HĐND ngày 26/10/2015; 138/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	3323/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 3257/QĐ-UBND ngày 07/12/2020; 1261/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	97.586	97.586		5.000	5.000	0	0	0	-3.500	-3.500				1.500	1.500	0	0	0	
III	Y tế								0	0	0	0	0	0	2.087	1.087	1.000	0	0	2.087	1.087	1.000	0	0	
1	Sửa chữa các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa năm 2022	Sở Y tế	toàn tỉnh	2.022	07/NQ-HĐND ngày 7/4/2022	2377/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	14.885	14.885		0	0	0	0	0	2.087	1.087	1.000			2.087	1.087	1.000			
IV	Phát thanh, truyền hình, thông tin								2.000	2.000	0	0	0	0	-700	-700	0	0	0	1.300	1.300	0	0	0	
1	Đầu tư, mua sắm hệ thống thiết bị kỹ thuật phụ vụ sản xuất, phát sóng chương trình của Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa	Đài PTTH Khánh Hòa	NT	2021-2024	63/NQ-HĐND ngày 29/9/2020	510/QĐ-UBND ngày 18/02/2022	200.000	200.000		2.000	2.000	0	0	0	-700	-700				1.300	1.300	0	0	0	
V	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản								1.870	1.870	0	0	0	0	-136	-136	0	0	0	1.734	1.734	0	0	0	
L1	Cấp tỉnh quản lý								870	870	0	0	0	0	-110	-110	0	0	0	760	760	0	0	0	
1	Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng khu vực Nam Khánh Vĩnh giai đoạn 2021 - 2025	Công ty TNHH MTV Lâm sản Khánh Hòa	KV	2021-2025	48/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	4972/QĐ-UBND ngày 31/12/2021; 776/QĐ-UBND ngày 24/3/2022	1.837	1.837		870	870	0	0	0	-110	-110				760	760	0	0	0	
L2	Hỗ trợ cấp huyện								1.000	1.000	0	0	0	0	-26	-26	0	0	0	974	974	0	0	0	

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công năm 2022					Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022					Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh					Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ		Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ		Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ		
								Vốn NS tỉnh																	Vốn NSTW, ODA
1	Sửa chữa, nâng cấp kênh nội đồng N4, thôn Nông Trường, xã Ninh Sim	UBND xã Ninh Sim	Ninh Sim	2022	63/NQ-HĐND ngày 22/12/2020	246/QĐ-UBND ngày 3/6/2022	1.036	1.000		1.000	1.000	0	0	0	-26	-26				974	974	0	0	0	
VI	Giao thông								2.500	2.500	0	0	0	0	-900	-900	0	0	0	1.600	1.600	0	0	0	
1	Các trục đường giao thông chính Khu đô thị mới Thị trấn Khánh Vĩnh (gđ1)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng Khánh Vĩnh	TT Khánh Vĩnh	2018-2021	88/HĐND ngày 16/9/2016	922/QĐ-UBND ngày 26/9/2017; 935/QĐ-UBND ngày 29/12/2020; 212/QĐ-UBND ngày 28/4/2021	82.014	15.966	60.000	2.500	2.500	0	0	0	-900	-900				1.600	1.600	0	0	0	
VII	Hạ tầng khu, cụm công nghiệp và khu kinh tế								0	0	0	0	0	3.000	0	3.000	0	0	0	3.000	0	3.000	0	0	
1	Sửa chữa đường Đầm Môn ĐT.651, đoạn Km14+370 - Km17+900	BQL KCT Văn phòng	xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	2022-2023	15/NQ-HĐND ngày 07/4/2022	151/QĐ-KCT ngày 31/8/2022	14.853	14.853		0				3.000		3.000				3.000	0	3.000	0	0	
VIII	Công nghệ thông tin								6.300	6.300	0	0	0	-189	-189	0	0	0	0	6.111	6.111	0	0	0	
1	Nâng cấp hệ thống Hội nghị giao ban trực tuyến tỉnh Khánh Hòa	Sở TTTT	Toàn tỉnh	2021-2022	34/NQ-HĐND ngày 14/4/2021	141/QĐ-UBND ngày 12/01/2022	6.329	6.329		6.300	6.300	0	0	0	-189	-189				6.111	6.111	0	0	0	
IX	Quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội								10.000	10.000	0	0	0	-10.000	-10.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Trung tâm chỉ huy Cảnh sát PCCC tỉnh Khánh Hòa	CA tỉnh	Nha Trang	2017-2022	2409/QĐ-BCA-H43 21/6/2016	285/QĐ-H41-H45 ngày 14/10/2016; 119/QĐ-H41-H45 ngày 14/6/2017; 124/QĐ-H41-H45 ngày 21/6/2017	143.417	50.211	93.206	10.000	10.000	0	0	0	-10.000	-10.000				0	0	0	0	0	
X	Các chính đầu tư công khác theo quy định								0	0	0	0	0	105.153	4.772	0	36.754	63.627	105.153	4.772	0	36.754	63.627		
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025			2021-2025	62/NQ-HĐND ngày 22/8/2022		1.093.899	335.374		0				38.090	4.772		33.318		38.090	4.772	0	33.318		Chi tiết theo Phụ lục 2	

(Handwritten signature/initials)

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công năm 2022					Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2022				Kế hoạch vốn năm 2022 sau khi điều chỉnh					Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NS tỉnh		Vốn NSTW, ODA	Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	Nguồn tăng thu năm 2021		Vốn TW hỗ trợ	Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT		Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ	Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT		Nguồn tăng thu năm 2021	Vốn TW hỗ trợ
2	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa			2021-2025	61/NQ-HBND ngày 22/8/2022	388.378	37.950	337.720	0					67.063			3.436	63.627	67.063	0	0	3.436	63.627	Chi tiết theo Phụ lục 3	
XI	Hỗ trợ các dự án phát sinh theo ngành, lĩnh vực													25.877	9.877	16.000			25.877	9.877	16.000	0	0	Chi tiết theo Phụ lục 4	
XII	Chưa phân bổ								100.381																



PHỤ LỤC 2

VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022

Thực hiện theo Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn Ngân sách tỉnh năm 2022			Ghi chú
				Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMBT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Vốn XDCB tập trung	Nguồn tăng thu năm 2021	
	TỔNG SỐ				61.848	38.090	38.090	4.772	33.318	
I	THỊ XÃ NINH HÒA				41.315	25.521	25.521	4.772	20.749	
1	Xã Ninh Đông (Xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao)				3.797	2.538	2.538	2.538		
<i>a</i>	<i>Giao thông</i>				3.497	2.448	2.448	2.448		
	Đường thôn Phước Thuận: Ngã 3 đi Chùa Thiên Ân - ngã 3 Ông Thế. Hạng mục: Nâng cấp sửa chữa đường BTXM đoạn từ nhà ông Thưng đến nhà ông Hùng Tuất	UBND xã Ninh Đông	2022	252/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.150	805	805	805		
	Đường nội đồng thôn Phước Thuận từ kênh N47 đến gò Phận	UBND xã Ninh Đông	2022	253/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.147	803	803	803		
	Đường nội đồng thôn Nội Mỹ từ kênh N4 đến nhà ông Ngự	UBND xã Ninh Đông	2022	254/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.200	840	840	840		
<i>b</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>				300	90	90	90		
	Trung tâm văn hóa thể thao xã (Hạng mục: Lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao)	UBND xã Ninh Đông	2022	255/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	300	90	90	90		
2	Xã Ninh Phú (Xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao)				10.550	6.185	6.185		6.185	
<i>a</i>	<i>Giao thông</i>				7.000	4.900	4.900		4.900	
	Xây dựng hệ thống thoát nước đường liên xã: Đoạn từ Cầu Hội Phú đến Cầu Biện Đẹp	UBND xã Ninh Phú	2022	197/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	2.000	1.400	1.400		1.400	
	Đường giao thông nông thôn thôn Văn Định Bằng Phước: Đoạn từ giáp đường BTXM liên thôn đến nhà ông Hiệp	UBND xã Ninh Phú	2022	198/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.000	700	700		700	
	Đường BTXM thôn Hội Phú Bắc 2: Đoạn nhà ông Thước; Đoạn nhà ông Thống; Đoạn nhà bà Kim Anh	UBND xã Ninh Phú	2022	199/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.000	700	700		700	
	Đường BTXM nội đồng thôn Hội Điền: Đoạn từ nhà ông Lật đến nhà ông Lự	UBND xã Ninh Phú	2022	200/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.000	700	700		700	
	Đường BTXM nội đồng thôn Hội Phú Bắc 1: Đoạn từ nhà bà Xệ đến ruộng ông Thanh	UBND xã Ninh Phú	2022	201/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.000	700	700		700	
	Đường BTXM nội đồng thôn Hội Phú Bắc 1: Đoạn từ nhà ông Mỹ đến nhà ông phương, đoạn giáp Ninh Đa	UBND xã Ninh Phú	2022	202/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.000	700	700		700	
<i>b</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>				3.000	900	900		900	
	Trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Ninh Phú	2022	203/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	3.000	900	900		900	
<i>c</i>	<i>Hạ tầng thông tin và truyền thông</i>				550	385	385		385	
	Đầu tư thiết lập mới hệ thống đài truyền thanh xã	UBND xã Ninh Phú	2022	204/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	550	385	385		385	
3	Xã Ninh Thượng (đăng ký đạt chuẩn NTM)				26.968	16.798	16.798	2.234	14.564	
<i>a</i>	<i>Giao thông</i>				21.765	15.237	15.237	2.234	13.003	
	Đường trục thôn Tân Tứ gờ 2, tuyến nhánh ông Độ	UBND xã Ninh Thượng	2022	667/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.102	771	771		771	
	Đường trục thôn từ giáp đường liên thôn đến ông Phương thôn (đường 30-4)	UBND xã Ninh Thượng	2022	656/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.158	811	811		811	
	Đường trục thôn từ giáp HL 6- Ninh Tây thôn 1 (tuyến 5 Đồi Đò)	UBND xã Ninh Thượng	2022	664/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	931	651	651		651	

Handwritten mark

S T T	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn Ngân sách tỉnh năm 2022			Ghi chú
				Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Vốn XDCB tập trung	Nguồn tăng thu năm 2021	
	Đường trục thôn từ giáp HL 6- Ninh Tây thôn 1 (tuyến 4 Đồi Đò)	UBND xã Ninh Thượng	2022	663/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.177	824	824		824	
	Đường trục thôn từ giáp HL 6- Ninh Sim thôn 1 (tuyến 6 Hòn Tre)	UBND xã Ninh Thượng	2022	668/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.198	839	839		839	
	Đường trục thôn từ giáp nhà ông Nghĩa ông Vinh và từ nhà bà tia- ông Răng	UBND xã Ninh Thượng	2022	665/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.014	710	710		710	
	Đường trục thôn từ giáp đường liên xã- ông Nam và các tuyến nhánh thôn Đồng Xuân	UBND xã Ninh Thượng	2022	666/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	534	374	374		374	
	Đường trục thôn từ giáp nhà ông Minh- Nghĩa trang thôn Tân Tử	UBND xã Ninh Thượng	2022	657/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.124	787	787		787	
	Đường Tuyến Suối Mơ GĐ1	UBND xã Ninh Thượng	2022	659/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	2.744	1.921	1.921		1.921	
	Tuyến 12 Đồng Chùa Tân Hiệp	UBND xã Ninh Thượng	2022	661/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.050	735	735		735	
	Đường từ giáp HL 6- Tân Hiệp (Hòn Tre)	UBND xã Ninh Thượng	2022	658/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	2.538	1.777	1.777		1.777	
	Tuyến đường nội đồng từ đường ông Phan Thông đến Farm	UBND xã Ninh Thượng	2022	662/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	2.195	1.537	1.537		1.537	
	Tuyến Tân Phong - Ninh Trang (HL6)	UBND xã Ninh Thượng	2022	669/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	5.000	3.500	3.500	2.234	1.266	
<i>b</i>	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>				3.247	974	974		974	
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã	UBND xã Ninh Thượng	2022	660/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	3.247	974	974		974	
<i>c</i>	<i>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</i>				1.956	587	587		587	
	Chợ xã Ninh Thượng	UBND xã Ninh Thượng	2022	655/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.956	587	587		587	
II	HUYỆN DIÊN KHÁNH				20.533	12.569	12.569		12.569	
1	Xã Diên Đồng (Xã đăng ký đạt chuẩn NTM)				3.385	1.016	1.016		1.016	
	<i>Cơ sở vật chất văn hóa</i>				3.385	1.016	1.016		1.016	
	Trung tâm văn hóa khu thể thao xã	UBND xã Diên Đồng	2022	115/QĐ-UBND/XĐ ngày 26/8/2022	3.385	1.016	1.016		1.016	
2	Xã Diên Phước (Xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao)				9.429	6.604	6.604		6.604	
<i>a</i>	<i>Giao thông</i>				5.197	3.641	3.641		3.641	
	Đường trục thôn Phước Tuy 1	UBND xã Diên Phước	2022	72/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.199	840	840		840	
	Đường Thành Hồ 8	UBND xã Diên Phước	2022	70/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	550	386	386		386	
	Đường trục thôn An Định (Tỉnh lộ 2 - ĐH18)	UBND xã Diên Phước	2022	71/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.199	840	840		840	
	Đường trục thôn Phước Tuy 2	UBND xã Diên Phước	2022	74/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.050	735	735		735	
	Đường Tỉnh lộ 2 - Công Cây Da (Diên Hòa)	UBND xã Diên Phước	2022	73/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.199	840	840		840	
<i>b</i>	<i>Thủy lợi</i>				4.232	2.963	2.963		2.963	
	KCH kênh ruộng Địa - Suối Sáu	UBND xã Diên Phước	2022	76/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.229	860	860		860	
	KCH kênh Ba Sào mẫu sáu	UBND xã Diên Phước	2022	77/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.123	786	786		786	
	KCH kênh mương vùng ruộng 1 vụ Đồng Xe	UBND xã Diên Phước	2022	75/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	1.231	862	862		862	
	KCH kênh Bao Sào - Mương Cơi - Lỗ Găng - Đất Sét	UBND xã Diên Phước	2022	78/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	649	455	455		455	
3	Xã Diên Lạc (Xã đăng ký đạt chuẩn NTM nâng cao)				5.453	3.679	3.679		3.679	
<i>a</i>	<i>Giao thông</i>				4.454	3.119	3.119		3.119	

S T T	Nội dung	Chủ đầu tư	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn Ngân sách tỉnh năm 2022			Ghi chú
				Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó:		
					Tổng số (tất cả nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Vốn XDCB tập trung	Nguồn tăng thu năm 2021	
	Đường trục thôn Thanh Minh 1	UBND xã Diên Lạc	2022	117/QĐ-UBND- XD ngày 29/8/2022	648	454	454		454	
	Đường kết hợp thoát nước trục thôn Thanh Minh 2 (tổ 7, 8, 9)	UBND xã Diên Lạc	2022	118/QĐ-UBND- XD ngày 29/8/2022	1.204	843	843		843	
	Đường kết hợp thoát nước trục thôn Thanh Minh 3 (tổ 19, 20)	UBND xã Diên Lạc	2022	119/QĐ-UBND- XD ngày 29/8/2022	928	650	650		650	
	Đường kết hợp thoát nước trục thôn Thanh Minh 3 (tổ 22)	UBND xã Diên Lạc	2022	115/QĐ-UBND- XD ngày 29/8/2022	1.186	830	830		830	
	Đường Bến Đò trục thôn Trường Lạc	UBND xã Diên Lạc	2022	116/QĐ-UBND- XD ngày 29/8/2022	488	342	342		342	
<i>b</i>	<i>Hạ tầng hợp tác xã</i>				999	560	560		560	
	Xây dựng kho, xưởng chế biến HTXNN Diên Lạc	UBND xã Diên Lạc	2022	120/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	999	560	560		560	
4	Đầu tư hạ tầng HTX trên các địa bàn các xã				2.266	1.270	1.270		1.270	
	Xây dựng nhà kho HTX NN Diên Điền 1	UBND xã Diên Điền	2022	50/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	729	409	409		409	
	Xây dựng nhà kho HTX NN Diên Điền 2	UBND xã Diên Điền	2022	51/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	539	302	302		302	
	Xây dựng nhà kho HTX NN Suối Hiệp 2	UBND xã Suối Hiệp	2022	72/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	998	559	559		559	



PHỤ LỤC 3

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2022**

(Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 69 /NQ-HĐND ngày 23 / 9 /2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

DVT: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	Tổng số		NSTW
	TỔNG SỐ					77.313	71.700	3.552	67.063	63.627	3.436	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					6.190	5.384	565	4.304	3.739	565	
	<i>Hỗ trợ nước sinh hoạt</i>					6.190	5.384	565	4.304	3.739	565	
1	<i>Huyện Khánh Vĩnh</i>											
-	Mở rộng Hệ thống cấp nước thôn Bắc Sông Giang	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Trung	2022-2023	743/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	3.869	3.365	353	2.073	1.720	353	
2	<i>Huyện Khánh Sơn</i>											
-	Đầu tư nối mạng nước sinh hoạt khép kín các khu dân cư	UBND xã Sơn Bình	Xã Sơn Bình	2022	1697/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	2.321	2.019	212	2.231	2.019	212	
II	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4: Đầu tư CSHT thiết yếu, phục vụ sản xuất đời sống trong vùng đồng bào DTTS					56.383	52.691	2.205	46.261	44.056	2.205	
1	<i>Huyện Khánh Vĩnh</i>					24.369	20.930	2.205	23.135	20.930	2.205	
-	Đường rẽ nhánh Khánh Lê - Lâm Đồng, điem từ tràn đến rẫy ông Hà Choang	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Giang Ly	2022	727/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.999	1.999		1.999	1.999		
-	Đường vào khu sản xuất từ đầu cầu Gia Lố đến rẫy ông Hà Vương, xã Sơn Thái	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Sơn Thái	2022	729/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	998	998		998	998		
-	Đường vào khu sản xuất từ rẫy ông Hà Van đến rẫy ông Đình Xuân Hương	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Thôn Bồ Lang, xã Sơn Thái	2022	738/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	998	998		998	998		
-	Đường sản xuất thôn Tà Mơ 1 (Đoạn Tà Mơ 2 giáp đường Khánh Thành đi thị trấn)	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Thành	2022	721/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	971	971		971	971		

Ca

S T T	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW	
-	Đường vào khu sản xuất từ đất ông Cao Văn Núi đến đất ông Cao Văn Hương	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Trung	2022	725/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.049	1.049	1.049	1.049		
-	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất Suối A Pan	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Cầu Bà	2022	735/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	993	993	993	993		
-	Nâng cấp, sửa chữa đường vào khu sản xuất Suối Asay	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Cầu Bà	2022	726/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	991	991	991	991		
-	Đường vào khu sản xuất Suối Cọp, xã Liên Sang	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Liên Sang	2022	730/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.999	1.999	1.999	1.999		
-	Tiếp tuyến đường từ bãi rác vào khu sản xuất Kho Cối	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Thượng	2022	723/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.099	1.099	1.099	1.099		
-	Tuyến đường từ nhà ông Hà Bón đến nhà ông Cao Nghem, xã Khánh Thượng	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Thượng	2022	742/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	997	997	997	997		
-	Tuyến đường từ ngã 3 đất ông Vũ Quang Minh vào khu sản xuất (đốc Gù) đến đất bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết, xã Khánh Nam	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Nam	2022	722/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.998	1.998	1.998	1.998		
-	Tuyến B2 tuyến đường từ nhà ông Trần Trọng Tài đến đất ông Cao Văn Huy thôn Ba Căng (B2), xã Khánh Hiệp	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Hiệp	2022	741/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	999	999	999	999		
-	Đường từ ông Xi Ngân đi Xi Gia thôn Nước Nhĩ, xã Khánh Phú	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Phú	2022	733/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	995	995	995	995		
-	Bê tông hóa đường Cao Chua đi ông Chính	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Phú	2022	724/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	999	999	999	999		
-	Đường vào khu sản xuất Bến Khế từ nhà ông Mang Mẩn đến rẫy ông Nguyễn Ngọc Phan, xã Khánh Bình	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Bình	2022	726/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.197	1.197	1.197	1.197		
-	Đường vào khu sản xuất Bến Lễ từ rẫy ông Nguyễn Đình Hiếu đến rẫy ông Cao Văn Luyện, xã Khánh Bình	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Bình	2022	720/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.199	1.199	1.199	1.199		
-	Sửa chữa, nâng cấp đường bê tông từ nhà ông Việt đến nhà ông Tiến, tổ 3, Thị trấn Khánh Vĩnh	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Tổ 3, TT Khánh Vĩnh	2022	732/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	819	819	819	819		

S T T	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú	
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tính	NSTW		NS tính
-	Sửa chữa, nâng cấp đường từ rẫy ông Huỳnh đi khu sản xuất, tổ 5, Thị trấn Khánh Vĩnh	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Tổ 5, TT Khánh Vĩnh	2022	734/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	1.119	630	343	973	630	343	
-	Đường vào khu sản xuất Suối Gia Lồ từ hộ ông Mười đến hộ ông Duy	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Sơn Thái	2022	737/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	970		700	700		700	
-	Đường khu dân cư Giồng Cạo thôn Tà Mơ, xã Khánh Thành	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Khánh Thành	2022	728/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	982		700	700		700	
-	Đường vào khu sản xuất từ hộ ông Hà Thương đến hộ ông Cao Ri Sơn	Phòng Dân tộc Khánh Vĩnh	Xã Sơn Thái	2022-2023	731/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	998		462	462		462	
2	Huyện Khánh Sơn					16.967	16.967		16.967	16.967		
-	Đường BTXM thôn Apa 1 đi khu sản xuất	UBND xã Thành Sơn	Xã Thành Sơn	2022	1682/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	996	996		996	996		
-	Nối tiếp Đường BTXM từ nhà cộng đồng Apa 1 đi khu sản xuất	UBND xã Thành Sơn	Xã Thành Sơn	2022	1683/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	998	998		998	998		
-	Nâng cấp đường BTXM thôn Ha Hít, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Võ Tiên Hoàng đến nhà ông Tài)	UBND xã Sơn Lâm	Xã Sơn Lâm	2022	1684/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	999	999		999	999		
-	Nâng cấp, mở rộng trục đường chính thôn Du Oai, xã Sơn Lâm (Đoạn từ nhà ông Tú đến nhà ông Cao Đỉnh)	UBND xã Sơn Lâm	Xã Sơn Lâm	2022	1685/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	999	999		999	999		
-	Sửa chữa phòng học trường mầm non Vành Khuê	UBND xã Sơn Bình	Xã Sơn Bình	2022	1686/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	994	994		994	994		
-	Đường vào khu sản xuất từ rẫy Bà Tro Thị Hiền đến rẫy bà Cao Thị Danh	UBND xã Sơn Bình	Xã Sơn Bình	2022	1687/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	999	999		999	999		
-	Nối tiếp đường BTXM đoạn từ rẫy ông Bình đến đất ông Nghịch	UBND xã Sơn Hiệp	Xã Sơn Hiệp	2022	1689/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	1.991	1.991		1.991	1.991		
-	Làm đường BTXM vào khu sản xuất nghĩa địa thôn Chi Chay	UBND xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2022	1690/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	999	999		999	999		
-	Làm đường BTXM từ bãi rác đến rẫy ông Tùng thôn Ma O xã Sơn Trung	UBND xã Sơn Trung	Xã Sơn Trung	2022	1691/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	999	999		999	999		
-	Nối tiếp đường BTXM khu 21 hộ đến trần Ông Lũng	UBND TT Tô Hạp	Thị trấn Tô Hạp	2022	1695/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	799	799		799	799		

S T T	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW	
-	Đường BTXM từ Bia khảo cổ Đốc Gạo vào khu sản xuất, dân sinh	UBND TT Tô Hạp	Thị trấn Tô Hạp	2022	1696/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	1.198	1.198		1.198	1.198	
-	Nối tiếp từ suối Lò Ô đi khu sản xuất xóm 4 thôn Đốc Trầu	UBND xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2022	1692/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	999	999		999	999	
-	Nối tiếp tuyến đường từ xóm 14 đi khu sản xuất thôn A Thi. xã Ba Cùm Bắc	UBND xã Ba Cùm Bắc	Xã Ba Cùm Bắc	2022	1693/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	999	999		999	999	
-	Nâng cấp đường BTXM từ rẫy ông Dũng Bút đến ngã ba thôn Hòn Gầm	UBND xã Ba Cùm Nam	Xã Ba Cùm Nam	2022	1694/QĐ-UBND ngày 09/8/2022	999	999		999	999	
-	Kè chống sạt lở thôn Tà Giang 1	UBND xã Ba Thành Sơn	Xã Thành Sơn	2022-2023	1710/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	1.999	1.999		1.999	1.999	
3	Huyện Cam Lâm					11.806	11.806		3.770	3.770	
2.3.1	Đường đến trung tâm xã										
	Đường giao thông từ huyện đến trung tâm xã Sơn Tân (đoạn từ xã Cam Tân - Sơn Tân)	Ban QLDA Cam Lâm	Xã Sơn Tân	2022-2023	1398/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	9.212	9.212		1.176	1.176	
2.3.2	Đầu tư cơ sở hạ tầng các xã ĐBK, thôn ĐBK										
-	Nâng cấp đường từ rẫy ông Xê vào khu sản xuất thôn Suối Cốc	Phòng Dân tộc Cam Lâm	Xã Sơn Tân	2022	1407/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	1.000	1.000		1.000	1.000	
-	Sửa chữa đường từ nhà bà Năm ngã ba thôn Va Ly đến nhà máy nước	Phòng Dân tộc Cam Lâm	Xã Sơn Tân	2022	1408/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	1.000	1.000		1.000	1.000	
-	Cổng tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Suối Lau 3	Phòng Dân tộc Cam Lâm	Thôn Suối Lau 3. xã Suối Cát	2022	1406/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	297	297		297	297	
-	Cổng tường rào nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Văn Sơn	Phòng Dân tộc Cam Lâm	Thôn Văn Sơn, xã Cam Phước Tây	2022	1405/QĐ-UBND ngày 30/8/2022	297	297		297	297	
4	Huyện Diên Khánh					1.199	1.199		600	600	
	Đường vào khu sản xuất xã Diên Tân (đoạn tiếp giáp với khu sản xuất đồng ruộng đến hạ lưu hồ Láng Nhớt.)	Phòng Kinh tế Diên Khánh	Thôn Đá Mài. xã Diên Tân	2022- 2023	212/QĐ-UBND/XD ngày 29/8/2022	1.199	1.199		600	600	

S T T	Nội dung	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
						Tổng số (tất cả nguồn vốn)	NSTW		NS tỉnh	NSTW	
5	Thị xã Ninh Hòa					2.042	1.789		1.789	1.789	
-	Đường BTXM đi từ nhà ông Hải đi Suối Tre thôn Suối Mít, xã Ninh Tây	Phòng Dân tộc Ninh Hoà	Thôn Suối Mít. xã Ninh Tây	2022	3391/QĐ-CTUBND ngày 30/8/2022	1.142	900		900	900	
-	Đường BTXM đoạn từ nhà ông Cao Ta Gân đến cuối đường nhà ông Bàn Đức Thắng thôn Sông Bung, xã Ninh Tây	Phòng Dân tộc Ninh Hoà	Thôn Sông Bung Xã Ninh Tây	2022	3392/QĐ-CTUBND ngày 30/8/2022	461	450		450	450	
-	Xây dựng công tường rào, sân, nhà vệ sinh, hệ thống nước nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn Buôn Sim, xã Ninh Tây	Phòng Dân tộc Ninh Hoà	Thôn Buôn Sim Xã Ninh Tây	2022-2023	3390/QĐ-CTUBND ngày 30/8/2022	439	439		439	439	
III	Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 5: Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông DTNT trên địa bàn tỉnh					6.186	6.186		789	789	
	Trường Phổ thông DTNT Khánh Vĩnh (Hạng mục Nâng cấp, sửa chữa phòng học và phòng bộ môn; Nâng cấp, sửa chữa nhà công vụ giáo viên; Nâng cấp, sửa chữa công trình vệ sinh, nước sạch)	Phòng Giáo dục và Đào tạo Khánh Vĩnh	Trường PTDTNT Khánh Vĩnh	2022-2024	739/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	6.186	6.186		789	789	
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch					8.554	7.439	782	5.212	4.546	666
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao huyện Khánh Vĩnh	Phòng Văn hóa và Thông tin Khánh Vĩnh	24 thôn	2022-2024	740/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	4.617	4.015	422	3.220	2.914	306
	- Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao huyện Khánh Sơn	Phòng Dân tộc Khánh Sơn	14 thôn	2022-2024	1842/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	3.937	3.424	360	1.992	1.632	360
V	Chưa phân bổ								10.497	10.497	



PHỤ LỤC 4

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 TỪ NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của HĐND tỉnh Khánh Hòa

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách TW hỗ trợ		Vốn XDCB tập trung		Vốn XSKT
TỔNG CỘNG									25.877	9.877	16.000		
I	Phát triển đô thị								14.994	3.994	11.000		
(1)	Thị xã Ninh Hòa								7.090	0	7.000		
1	Đường BTXM khu dân cư Núi Một TDP Hậu Phước, phường Ninh Hà, đoạn 1 từ nhà ông Trần Sang đến nhà ông Dương Văn Xuân, đoạn 2 từ nhà ông Trần Ngọc Hòa đến giáp đường ra nghĩa địa	UBND phường Ninh Hà	Ninh Hà	2022	18/NQ-HĐND ngày 05/9/2022	555/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.049	1.000	1.000		1.000		
2	Đường BTXM TDP Mỹ Trạch, phường Ninh Hà, đoạn từ nhà ông Huỳnh Ân (giáp đường Lý Tự Trọng) đến nhà ông Lê Cận	UBND phường Ninh Hà	Ninh Hà	2022	19/NQ-HĐND ngày 05/9/2022	557/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.050	1.000	1.000		1.000		
3	Mương cống ông Sanh nổi dài	UBND xã Ninh An	Ninh An	2022	18/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	647/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.053	1.000	1.000		1.000		
4	Đường Bình Sơn 6 (Mai-Si), đoạn từ TL1A đến mương thùy lợi	UBND xã Ninh Thọ	Ninh Thọ	2022	09/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	441/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.039	1.000	1.000		1.000		
5	Đường Bình Sơn 3 (Đình) đoạn từ Bình Sơn 2 đến đình Bình Sơn	UBND xã Ninh Thọ	Ninh Thọ	2022	10/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	440/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.026	1.000	1.000		1.000		
6	Đường BTXM từ nhà ông Bờ đi đường sắt	UBND xã Ninh An	Ninh An	2022	17/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	646/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.058	1.000	1.000		1.000		
7	Nâng cấp mở rộng đường từ Quốc lộ 26 đến Đình Dục Mỹ giai đoạn 1	UBND xã Ninh Xuân	Ninh Xuân	2022	11/NQ-HĐND ngày 08/7/2022	215/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.026	1.000	1.000		1.000		
(2)	Thành phố Cam Ranh								5.994	3.994	2.000		
1	Tuyến số 1 TDP Hòa Tiến (Điểm đầu ĐL Hùng Vương; Điểm cuối tỉnh xá Ngọc Mỹ), phường Cam Nghĩa	UBND phường Cam Nghĩa	phường Cam Nghĩa	2022	22/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	719/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	999	999	999		999		
2	Nâng cấp theo hiện trạng và hệ thống thu nước mưa đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Nguyễn Thị Minh Khai), TDP Lợi Phúc, phường Cam Lợi	UBND phường Cam Lợi	phường Cam Lợi	2022	122/NQ-HĐND ngày 08/9/2022	202/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.000	1.000	1.000		1.000		
3	Nâng cấp theo hiện trạng đường vào chợ Cam Lợi (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Tiên Giang), TDP Lợi Phú, phường Cam Lợi	UBND phường Cam Lợi	phường Cam Lợi	2022	121/NQ-HĐND ngày 08/9/2022	201/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.000	1.000	1.000		1.000		

Ca

STT	Dan mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư				Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách TW hỗ trợ		Vốn XDCB tập trung	Vốn XSKT	
4	Đường tổ dân phố Hòa Bình (điểm đầu: Đường Lê Thánh Tông; điểm cuối: nhà bà Đặng Thị Phấn), phường Cam Nghĩa	UBND phường Cam Nghĩa	phường Cam Nghĩa	2022	20/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	720/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	998	998		998	998		
5	Đường tổ dân phố Hòa Phước (Tuyến số 2) (điểm đầu: đường Hà Huy Tập; điểm cuối: nhà bà Huỳnh Thị Nga), phường Cam Nghĩa	UBND phường Cam Nghĩa	phường Cam Nghĩa	2022	21/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	718/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	998	998		998	998		
6	Đường khu dân cư Hòa Do 2 (Tổ An ninh nhân dân số 3-4), phường Cam Phúc Bắc	UBND phường Cam Phúc Bắc	phường Cam Phúc Bắc	2022	69/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	286/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	999	999		999	999		
(3) Huyện Diên Khánh										2.000	0	2.000	
1	Đường kết hợp thoát nước đường Tổ 27, thôn Trường Lạc	UBND xã Diên Lạc	Diên Lạc	2022	16/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	125/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	1.070	1.000		1.000		1.000	
2	Đường kết hợp thoát nước đường Tổ 19, thôn Thanh Minh 3	UBND xã Diên Lạc	Diên Lạc	2022	15/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	128/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	1.013	1.000		1.000		1.000	
II Công nghiệp (mạng lưới điện đô thị, nông thôn)										6.998	1.998	5.000	
(1) Huyện Diên Khánh										3.000	0	3.000	
1	Điện chiếu sáng đường Tổ 10, thôn Thanh Minh 2	UBND xã Diên Lạc	Diên Lạc	2022	12/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	127/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	1.061	1.000		1.000		1.000	
2	Điện chiếu sáng đường Tổ 19, thôn Thanh Minh 3	UBND xã Diên Lạc	Diên Lạc	2022	13/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	129/NQ-HĐND ngày 14/9/2022	1.061	1.000		1.000		1.000	
3	Điện chiếu sáng đường Tổ 33, thôn Trường Lạc	UBND xã Diên Lạc	Diên Lạc	2022	14/NQ-HĐND ngày 09/9/2022	126/QĐ-UBND ngày 14/9/2022	1.063	1.000		1.000		1.000	
(2) Thị xã Ninh Hòa										2.000	0	2.000	
1	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng tuyến đường từ ngã tư Mỹ Trạch - Mỹ Thuận đến công trạm máy kéo cũ, từ nhà ông Nguyễn Mạo đến nhà ông Nguyễn Xèo	UBND phường Ninh Hà	Ninh Hà	2022	20/NQ-HĐND ngày 05/9/2022	556/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.050	1.000		1.000		1.000	
2	Điện chiếu sáng từ công làng văn hóa (QL26) đến đình Văn Thạch	UBND xã Ninh Xuân	Ninh Xuân	2022	24/NQ-HĐND ngày 08/7/2022	214/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	1.009	1.000		1.000		1.000	
(3) Huyện Vạn Ninh										1.998	1.998	0	
1	Hệ thống điện chiếu sáng đường thôn Trung Dông 2 (đoạn từ ngã 3 đường Bình Trung 2 đến công thôn Trung Dông 2)	UBND xã Vạn Bình	xã Vạn Bình	2022	39/NQ-HĐND ngày 12/9/2022	42/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	999	999		999	999		

STT	Danh mục dự án, ngành, lĩnh vực	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2022			Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
								Ngân sách tỉnh	Ngân sách TW hỗ trợ		Vốn XDCB tập trung		Vốn XSKT
2	Hệ thống điện chiếu sáng Đường thôn Vinh Huệ từ nhà ông Võ Hoàng Thạnh đến nhà ông Lê Văn Thóa	UBND xã Vạn Phú	xã Vạn Phú	2022	09/NQ-HĐND ngày 12/9/2022	199/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	999	999		999	999		
III	Giáo dục và đào tạo									3.885	3.885	0	
1	Trường Tiểu học - THCS Bình Ba; Hạng mục: Cải tạo nhà công vụ (điểm Tiểu học)	Phòng GD&ĐT Cam Ranh	xã Cam Bình	2022	41/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	833/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	1.094	1.094		1.094	1.094		
2	Trường mầm non Cam Lập; Hạng mục: Cải tạo 02 phòng học và mái che.	Phòng GD&ĐT Cam Ranh	xã Cam Lập	2022	40/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	849/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	798	798		798	798		
3	Trường mầm non 2/4; Hạng mục: Nâng cấp công. sân trường và mái che.	Phòng GD&ĐT Cam Ranh	Phường Cam Lộc	2022	39/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	847/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	997	997		997	997		
4	Trường Mầm non Cam Phúc Nam; Hạng mục: Nâng cấp công tường rào	Phòng GD&ĐT Cam Ranh	Phường Cam Phúc Nam	2022	38/NQ-HĐND ngày 07/9/2022	853/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	996	996		996	996		

ca

2022